

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương tại Công văn số 3001/HĐV ngày 30/01/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Tờ trình số 126/TTr-SNNMT ngày 10/02/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Đại Vương, địa chỉ tại đường D2, CCN Hố Nai 3, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất viên nén gỗ tại một phần lô CN10 và một phần lô CN11, Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất viên nén gỗ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN10 và một phần lô CN11, Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600697236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp, đăng ký

lần đầu 08/08/2005 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07/8/2024. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1881/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/08/2022; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 543/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/02/2024; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1463/QĐ-UBND ngày 25/06/2025 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600697236.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất viên nén gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Tổng diện tích: 50.013 m².

- Quy trình sản xuất:

Gỗ nguyên liệu → Nhập bãi → Máy bóc vỏ → Máy băm dăm gỗ → Sàng tạp chất → Sấy → Nghiền thô → Nghiền tinh → Ép viên → Sàng viên nén → Làm nguội → Lưu trữ → Xuất hàng.

- Công suất: 150.000 tấn thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Pong Drang tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã Pong Drang;
- Cty TNHH Hoàng Đại Vương;
- (Đ/c: Đường D2, CCN Hồ Nai 3, Phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai)
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày đêm được tuần hoàn tái sử dụng vào việc bổ sung nước vào bể hấp thụ ướt của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của lò hơi được tuần hoàn liên tục, nước được bổ sung định kỳ để bù lượng hao hụt do bay hơi, không thải ra môi trường.

- Nước thải vệ sinh lò hơi (xả đáy lò hơi) được thu gom bổ sung để bù lượng hao hụt do bay hơi và dính theo cặn bụi, không thải ra ngoài môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các quá trình còn lại được thu gom bằng đường ống PVC D60mm dẫn về ngăn thứ 3 của bể tự hoại 3 ngăn.

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, nguồn số 02) sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom theo đường ống PVC D114mm, D168mm qua các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 6 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn: bổ sung nước vào bể hấp thụ ướt của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của lò hơi được tuần hoàn liên tục trong hệ thống và bổ sung định kỳ để bù lượng hao hụt do bay hơi và dính theo cặn bụi, không thải ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh lò hơi (xả đáy lò hơi) được thu gom bổ sung để bù lượng hao hụt do bay hơi và dính theo cặn bụi, không thải ra ngoài môi trường

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn: 02 bể, kích thước (DxRxC): 2,9mx1,6mx1,85m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải (*nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể tự hoại*) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể màng lọc MBR → Bể khử trùng kết hợp bể chứa → Nước thải sau khi xử lý được tuần hoàn tái sử dụng bổ sung nước vào bể hấp thụ ướt của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, không thải ra môi trường.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

+ Chủ dự án cam kết khi CCN Krông Búk hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải chung của CCN sẽ thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải chung của CCN theo quy định.

+ Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được thiết kế tự động, vận hành thường xuyên, liên tục.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 6 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine viên hoặc các hóa chất khác có tính chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải từ hoạt động lò hơi:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải từ hoạt động của lò hơi:

+ Nước thải (*nước thải xả đáy lò hơi + nước thải từ bể hấp thụ ướt của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi*) → Bể thu gom → Bể lắng → Bể chứa → Tuần hoàn tái sử dụng liên tục, không thải ra môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, đường ống dẫn nước thải của Nhà máy.

- Xây dựng bể sự cố có dung tích 8,1 m³ (kích thước 3m x 1,5m x 1,8m) để lưu chứa nước thải khi có sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố xảy ra, tùy theo mức độ chủ đầu tư sẽ tự xử lý hoặc báo cho các cơ quan chức năng về môi trường để cùng phối hợp có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm i khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi tuần hoàn tái sử dụng cho bổ sung nước vào bể hấp thụ ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi trong dự án và khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của CCN.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải, không thải ra môi trường, đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này và thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định khi có sự cố xảy ra.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- + Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền thô.
- + Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy ép viên
- + Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy sàng viên nén.
- + Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 01
- + Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 02
- + Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 03
- + Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 04
- + Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy làm nguội
- + Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 8 tấn/giờ
- + Nguồn số 10: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 10 tấn/giờ

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

- 02 (hai) dòng khí thải tương ứng với 02 ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (nguồn số 09, nguồn số 10).

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01 (nguồn số 09, lò hơi 8 tấn/giờ): Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 8 tấn/giờ. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 470711; Y = 1434470 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Dòng thải số 02 (nguồn số 10, lò hơi 10 tấn/giờ): Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 10 tấn/giờ. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 470725; Y = 1434476 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01 (nguồn số 09, lò hơi 8 tấn/giờ): Lưu lượng 20.000 m³/giờ.

- Dòng thải số 02 (nguồn số 10, lò hơi 10 tấn/giờ): Lưu lượng 25.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn theo chế độ làm việc của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp), cụ thể như sau:

ST T	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT cột C	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
Nguồn số 09, nguồn số 10				Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ- CP
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 60		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤ 350		

Khuyến khích: Chủ dự án quan trắc khí thải để giám sát, đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01, 02, 03: Bụi từ máy nghiền thô, máy ép viên, máy sàng viên nén được thu gom bằng đường ống inox D300mm, D400mm, D800mm, quạt hút dẫn về thiết bị xử lý, thu hồi bụi.

- Nguồn số 04, 05, 06, 07: Bụi phát sinh từ các máy nghiền tinh được thu gom bằng đường ống inox D650mm đưa về thiết bị xử lý, thu hồi bụi.

- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy làm nguội được thu gom bằng đường ống inox D400mm, quạt hút dẫn về thiết bị xử lý, thu hồi bụi.

- Nguồn số 09: Bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi 8 tấn/giờ được thu gom bằng đường ống inox D700mm về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- Nguồn số 10: Bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi 10 tấn/giờ được thu gom bằng đường ống inox D800mm về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

(1) Nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ máy nghiền thô, máy ép viên, máy sàng viên nén → Hệ thống thu gom → Cyclone đơn → Cyclone có lọc túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường qua cửa xả.

- Công suất thiết kế: 62.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không có.

(2) Nguồn số 04, nguồn số 05, nguồn số 06, nguồn số 07:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền tinh → thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 7,5 m.

- Tại 4 máy nghiền tinh lắp đặt 4 hệ thống xử lý, thu hồi bụi

- Công suất thiết kế mỗi hệ thống: 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

(3) Nguồn số 08:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ máy làm nguội → Hệ thống thu gom → Cyclone có lọc túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường qua cửa xả.

- Công suất thiết kế: 62.000 m³/giờ.

(4) Nguồn số 09:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Oxy hóa bằng ozone lần 1 → Cyclone chùm → Quạt hút → Oxy hóa bằng ozone lần 2 → Bể hấp thụ ướt (hóa chất PT-06 hoặc các chất khác có tính chất tương đương) → Ống khói cao 24 m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hoá chất sử dụng: hóa chất PT-06 hoặc các chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A phụ lục này.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

(5) Nguồn số 10:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Oxy hóa bằng ozone lần 1 → Cyclone chùm → Quạt hút → Oxy hóa bằng ozone lần 2 → Bể hấp thụ ướt → Ống khói cao 24 m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hoá chất sử dụng: hóa chất PT-06 hoặc các chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A phụ lục này.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra mức độ an toàn của hệ thống lò hơi theo đúng quy trình, thời hạn quy định.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp phối hợp và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm: Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải được đầu tư xây dựng hoàn thiện và Dự án đi vào hoạt động thử nghiệm để đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

+ Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi 8 tấn/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi 10 tấn/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Lỗ lấy mẫu trên ống khói lò hơi của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 8 tấn/giờ. Toạ độ vị trí lấy mẫu: X = 470711; Y = 1434470 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Lỗ lấy mẫu trên ống khói lò hơi của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 10 tấn/giờ. Toạ độ vị trí lấy mẫu: X = 470725; Y = 1434476 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc đối với công trình xử lý bụi, khí thải trong vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 14 Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý lượng bụi, khí thải phát sinh; bảo đảm lượng không khí sạch thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp; điểm (cửa) lấy mẫu có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.4. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý, thu hồi bụi phát sinh từ các công đoạn nghiền thô, nghiền tinh, ép viên... phải đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường lao động trong nhà xưởng, không để thoát bụi ra ngoài nhà xưởng gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3.6. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy bóc vỏ.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy băm gỗ.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy sàng dăm gỗ.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nghiền thô.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy ép viên
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy sàng viên nén.
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy làm nguội
- Nguồn số 09: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của lò hơi 8 tấn/giờ
- Nguồn số 10: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của lò hơi 10 tấn/giờ

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Ghi chú
	Ngày (06h -trước 18h)	Tối (18h-trước 22h)	Đêm (22h- trước 06h)	
	70	65	60	Khu vực E

1.2. Độ rung:

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)	
	75	70	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tự động hoá quá trình sản xuất; đầu tư máy móc sản xuất mới, hiện đại; bố trí máy móc hợp lý, không bố trí nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong dự án; trang bị và yêu cầu người lao động đeo nút bịt tai trong quá trình làm việc ở những nơi phát sinh độ ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có đệm lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	5
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	300
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại khác	18 02 01	100
4	Thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	2
5	Ắc quy chì thải	19 06 01	5
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	200
Tổng cộng:			612

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Vỏ cây, mùn cưa, bụi thô từ quá trình bóc vỏ, băm dăm	48.590
2	Tạp chất thu gom từ quá trình sàng dăm gỗ tách tạp chất	2.514
3	Bụi phát sinh từ các công đoạn nghiền, ép viên, sàng, làm nguội	7.882
4	Viên nén không đạt chuẩn	4.187
5	Chất thải rắn có thể rơi vãi tại khu vực bãi chứa nguyên liệu	15,6

6	Tro phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu của lò hơi	727
7	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	4,4
	Tổng	63.920

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 16.848 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Cặn thải phát sinh từ quá trình lắng cặn tại bể hấp thụ ướt và bể xử lý nước thải lò hơi khoảng 1.200 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: 17,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng dạng kho kín, có mái che nắng, gió, mưa, nền bê tông. Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải thông thường không có khả năng tái chế: 24,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải được xây dựng dạng kho kín, có mái che nắng, gió, mưa, nền bê tông. Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho lưu chứa lưu chứa chất thải thông thường không có khả năng tái chế: 24,6 m².

- Diện tích kho lưu chứa chất thải thông thường có khả năng tái chế: 18 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải được xây dựng dạng kho kín, có mái che nắng, gió, mưa, nền bê tông. Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Yêu cầu Công ty phải thực hiện phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Hạng mục công trình tiếp tục thực hiện: Lắp đặt hệ thống lò hơi 10 tấn/giờ và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất thiết kế là 25.000 m³/h.

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Oxy hóa bằng ozone lần 1 → Cyclone chùm → Quạt hút → Oxy hóa bằng ozone lần 2 → Bể hấp thụ ứot → Ống khói cao 24 m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các chất ô nhiễm đảm bảo quy định tại phần A phụ lục 2 của Giấy phép môi trường này.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.